



**CÔNG TY CỔ PHẦN FPT**

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TOÀN TẬP ĐOÀN FPT**  
**Quý I năm 2010**

**Năm 2010**

**CÔNG TY CỔ PHẦN FPT**  
**89 Láng Hạ, Hà nội, Việt Nam**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2010**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>A -</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>7,660,727,018,074</b>	<b>7,678,505,205,644</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	6	<b>1,335,559,875,124</b>	<b>2,310,510,026,631</b>
1	Tiền	111		983,387,075,124	1,491,536,580,828
2	Các khoản tương đương tiền	112		352,172,800,000	818,973,445,803
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1,021,000,000,000</b>	<b>619,749,470,020</b>
1	Đầu tư ngắn hạn	121	7	1,021,000,000,000	619,749,470,020
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2,376,399,915,502</b>	<b>2,545,551,247,664</b>
1	Phải thu của khách hàng	131		1,552,593,208,492	1,885,705,039,414
2	Trả trước cho người bán	132		490,343,803,348	395,080,550,520
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134		139,879,336,524	94,000,086,462
5	Các khoản phải thu khác	135	8	216,906,396,042	192,908,486,005
6	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	9	(23,322,828,904)	(22,142,914,737)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	10	<b>2,134,162,145,704</b>	<b>1,426,043,318,661</b>
1	Hàng tồn kho	141		2,142,810,858,613	1,434,709,059,638
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8,648,712,909)	(8,665,740,977)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>793,605,081,744</b>	<b>776,651,142,668</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		100,976,192,187	93,984,073,973
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		266,037,620,568	209,295,620,060
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nh à nước	154		5,995,431,079	25,940,696,199
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	11	420,595,837,909	447,430,752,436
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2,762,359,278,030</b>	<b>2,716,910,212,438</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>939,074,250</b>	<b>108,965,000</b>
4	Phải thu dài hạn khác	218		956,109,250	126,000,000
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(17,035,000)	(17,035,000)
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1,566,992,026,577</b>	<b>1,638,511,702,799</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	12	<b>932,375,159,488</b>	<b>1,023,899,820,620</b>
	Nguyên giá	222		1,705,579,997,476	1,726,364,651,536
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(773,204,837,989)	(702,464,830,916)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		<b>265,728,940</b>	<b>146,539,767</b>
	Nguyên giá	225		357,818,686	219,809,549
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		(92,089,746)	(73,269,782)
3	Tài sản cố định vô hình	227	13	<b>225,878,250,011</b>	<b>231,519,697,756</b>
	Nguyên giá	228		287,310,223,558	290,955,021,013
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(61,431,973,547)	(59,435,323,257)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	408,472,888,138	382,945,644,656
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1,001,276,118,229</b>	<b>909,809,195,845</b>
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	16	477,801,588,288	381,217,015,904
3	Đầu tư dài hạn khác	258	17	555,171,316,270	560,288,966,270
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(31,696,786,329)	(31,696,786,329)
<b>V.</b>	<b>LỢI THÈ THƯƠNG MẠI</b>	<b>260</b>		<b>12,073,500,000</b>	<b>5,998,500,000</b>
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>181,078,558,974</b>	<b>162,481,848,794</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		100,076,210,937	81,868,941,413
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		60,489,046,987	60,745,919,547
3	Tài sản dài hạn khác	268		20,513,301,050	19,866,987,834
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>280</b>		<b>10,423,086,296,104</b>	<b>10,395,415,418,082</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN FPT**  
**89 Láng Hạ, Hà nội, Việt Nam**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2010**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>A -</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6,324,833,111,553</b>	<b>6,677,492,550,374</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4,409,645,166,961</b>	<b>4,765,832,766,691</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	18	1,996,484,174,222	2,234,117,377,872
2	Phải trả cho người bán	312		1,052,942,468,116	1,238,652,532,287
3	Người mua trả tiền trước	313		442,134,158,550	271,716,587,949
4	Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	19	382,680,988,090	353,374,958,348
5	Phải trả công nhân viên	315		10,931,510,694	165,343,313,225
6	Chi phí phải trả	316	20	233,148,705,371	126,991,982,610
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		8,220,429,498	11,213,656,810
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	21	72,299,240,646	74,642,419,334
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	22	22,184,896,086	22,224,921,743
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7,327,846,439	86,081,128,550
12	Doanh thu chưa thực hiện	338		181,290,749,249	181,473,887,963
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1,915,187,944,592</b>	<b>1,911,659,783,683</b>
3	Phải trả dài hạn khác	333		20,124,098,007	16,891,790,612
4	Vay và nợ dài hạn	334	23	1,892,228,931,677	1,892,099,273,228
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	22	1,075,360,739	909,165,674
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337	22	1,759,554,169	1,759,554,169
<b>B -</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>3,293,524,459,147</b>	<b>3,002,250,920,696</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	24	<b>3,290,774,459,147</b>	<b>2,999,500,920,696</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,438,319,670,000	1,438,319,670,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		54,851,281,360	54,851,281,360
4	Cổ phiếu quỹ	414		(2,930,000,000)	(2,805,550,000)
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		7,302,677,595	5,986,559,541
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn ĐL & đầu tư phát triển	417		103,009,261	103,009,261
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		111,954,577,071	111,958,145,891
10	Lợi nhuận chưa phân phối	420		1,681,173,243,859	1,391,087,804,643
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>2,750,000,000</b>	<b>2,750,000,000</b>
1	Nguồn kinh phí	432		2,750,000,000	2,750,000,000
<b>C</b>	<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>		<b>804,728,725,404</b>	<b>715,671,947,012</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>600</b>		<b>10,423,086,296,104</b>	<b>10,395,415,418,082</b>

Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Phương

Lập ngày 21 tháng 04 năm 2010

Tổng giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN FPT**

89 Láng Hạ, Hà nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2010****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ I NĂM 2010		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	<b>Tổng doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>25</b>	<b>8,017,530,294,033</b>	<b>7,438,681,961,628</b>	<b>8,017,530,294,033</b>	<b>7,438,681,961,628</b>
	<i>Trong đó: - Doanh thu kinh doanh</i>		<b>25</b>	<i>4,272,110,851,915</i>	<i>3,929,426,176,451</i>	<i>4,272,110,851,915</i>	<i>3,929,426,176,451</i>
	<i>- Doanh thu thu ần bán cho bên thứ ba</i>		<b>25</b>	<i>4,185,082,980,068</i>	<i>3,868,550,412,252</i>	<i>4,185,082,980,068</i>	<i>3,868,550,412,252</i>
2	Giá vốn hàng bán	11	<b>26</b>	7,008,264,736,290	6,562,715,076,603	7,008,264,736,290	6,562,715,076,603
3	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>1,009,265,557,744</b>	<b>875,966,885,025</b>	<b>1,009,265,557,744</b>	<b>875,966,885,025</b>
4	Doanh thu hoạt động tài chính	21	<b>27</b>	115,615,898,143	26,431,500,922	115,615,898,143	26,431,500,922
5	Chi phí tài chính	22	<b>28</b>	148,188,278,618	71,628,416,967	148,188,278,618	71,628,416,967
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	<b>28</b>	<i>74,331,818,876</i>	<i>13,268,048,840</i>	<i>74,331,818,876</i>	<i>13,268,048,840</i>
6	Chi phí bán hàng	24		225,020,455,433	210,887,581,354	225,020,455,433	210,887,581,354
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		331,566,679,785	239,217,006,931	331,566,679,785	239,217,006,931
8	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>420,106,042,051</b>	<b>380,665,380,695</b>	<b>420,106,042,051</b>	<b>380,665,380,695</b>
9	Thu nhập khác	31	<b>29</b>	54,929,830,070	30,979,443,174	54,929,830,070	30,979,443,174
10	Chi phí khác	32	<b>30</b>	39,561,481,615	26,907,412,531	39,561,481,615	26,907,412,531
11	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>15,368,348,455</b>	<b>4,072,030,644</b>	<b>15,368,348,455</b>	<b>4,072,030,644</b>
12	<b>Lợi nhuận từ công ty liên doanh liên kết</b>			<b>19,581,202,285</b>	<b>6,898,937,703</b>	<b>19,581,202,285</b>	<b>6,898,937,703</b>
13	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>455,055,592,790</b>	<b>391,636,349,041</b>	<b>455,055,592,790</b>	<b>391,636,349,041</b>
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	<b>31</b>	70,378,477,487	72,972,964,621	70,378,477,487	72,972,964,621
15	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	<b>31</b>	268,213,520	1,543,620,404	268,213,520	1,543,620,404
16	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>384,408,901,783</b>	<b>317,119,764,017</b>	<b>384,408,901,783</b>	<b>317,119,764,017</b>
	<i>- Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>			<i>94,323,462,567</i>	<i>97,599,325,183</i>	<i>94,323,462,567</i>	<i>97,599,325,183</i>
	<i>- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</i>			<i>290,085,439,216</i>	<i>219,520,438,834</i>	<i>290,085,439,216</i>	<i>219,520,438,834</i>
17	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>32</b>	<b>2,021</b>	<b>1,557</b>	<b>2,021</b>	<b>1,557</b>

Ghi chú (\*): Là doanh số bao gồm bán cho khách hàng bên ngoài và phần doanh thu bán cho các đơn vị trong tập đoàn với mục đích kinh doanh (ví dụ như doanh thu FPT Telecom bán dịch vụ Internet cho các đơn vị khác trong tập đoàn FPT)

Kế toán trưởng

Lập ngày 21 tháng 04 năm 2010

Tổng giám đốc

Nguyễn Thế Phương

**CÔNG TY CỔ PHẦN FPT**  
**89 Láng Hạ, Hà nội, Việt Nam**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2010**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Đơn vị: VND

ST T	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	455,055,592,790	391,636,349,041
2	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	96,504,037,877	62,428,516,599
-	Các khoản dự phòng	03	1,162,886,099	(6,156,939,949)
-	(Lợi nhuận)/Lỗ thuần từ đầu tư vào công ty liên kết		(17,719,572,384)	(6,898,937,703)
-	Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính	04	4,548,406,980	-
-	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(70,460,280,172)	6,076,209,550
-	Chi phí lãi vay	06	74,331,818,876	13,268,048,840
3	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	543,422,890,067	460,353,246,378
-	(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	130,601,445,917	65,687,687,028
-	(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(708,101,798,975)	(204,784,402,128)
-	Tăng (giảm) các khoản phải trả (ko kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(187,672,815,131)	(4,668,986,773)
-	Tăng (giảm) chi phí trả trước	12	(25,199,387,738)	(19,918,464,519)
-	Tiền lãi vay đã trả	13	(10,429,221,295)	(13,268,048,840)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(61,764,153,557)	(44,394,517,776)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	21,574,789,278	
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(22,553,497,233)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(297,568,251,435)	216,453,016,137
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(24,984,361,655)	(37,699,016,645)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	5,224,600,634	1,594,867,199
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(401,250,529,980)	(6,370,000,000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(91,466,922,384)	
6	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	86,693,356,214	687,500,000
	Tiền chi mua lại phần vốn góp của các cổ đông thiểu số		(7,290,000,000)	(7,331,500,000)
	<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</i>	30	(433,073,857,171)	(49,118,149,446)
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		
2	Vốn góp của các cổ đông thiểu số vào các công ty con			
3	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(1,636,440,000)	(1,171,040,000)
4	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1,458,677,672,649	742,359,248,024
5	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,696,181,217,850)	(1,238,027,347,744)
6	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		
7	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5,168,057,700)	(4,606,433,600)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(244,308,042,900)	(501,445,573,320)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ</i>	50	(974,950,151,507)	(334,110,706,628)
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	2,310,510,026,631	1,242,502,927,497
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2,342,096,577)
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm/kỳ</b>	70	1,335,559,875,124	906,050,124,292

Lập ngày 21 tháng 04 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Thế Phương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần FPT ban đầu là một công ty Nhà nước được thành lập tại Việt Nam và sau này được cổ phần hóa theo Quyết định số 178/QĐ-TTg và chính thức trở thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần FPT hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/05/2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Tại ngày 31/03/2010, Công ty Cổ phần FPT có 13 công ty con như sau:

- Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT;
- Công ty Cổ phần Thương mại FPT;
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT;
- Công ty Cổ phần Phần mềm FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Tin học FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Truyền thông Giải trí FPT;
- Công ty Cổ phần Quảng cáo FPT;
- Đại học FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển Khu công nghệ cao Hoà Lạc FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bất động sản FPT;
- Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT;
- Công ty Cổ phần FPT Visky.
- Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 12 năm 2008, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT thành Công ty Cổ phần FPT.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 24 tháng 08 năm 2009, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần FPT tăng từ 1.411.620.740.000 đồng lên 1.438.319.670.000 đồng.

Từ tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty Cổ phần FPT được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 03 năm 2010 là 10.463 người (năm 2009 là 9.566 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các sản phẩm và dịch vụ thông tin, viễn thông và đầu tư. Các sản phẩm và cung cấp dịch vụ thông tin chủ yếu bao gồm: tích hợp hệ thống; sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm; các dịch vụ ERP; phân phối sản phẩm công nghệ thông tin; phân phối điện thoại di động; dịch vụ giải pháp phần mềm; các dịch vụ viễn thông và internet; đào tạo; lắp ráp máy tính; bảo hành và bảo trì thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị viễn thông và các dịch vụ viễn thông khác.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**3. KỲ KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định cho việc ghi nhận giá trị các tài sản, công nợ và việc trình bày các khoản tài sản, công nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các khoản mục doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các báo cáo tài chính của các công ty do Tập đoàn kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 03 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tập đoàn. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tập đoàn vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tập đoàn tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tập đoàn tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình và không tính khấu hao theo chính sách của Tập đoàn.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho của Tập đoàn được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO), phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Thời gian khấu hao (Số năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 25
Phương tiện vận tải	4 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản khác	2 - 3

**Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao**

Tài sản cố định thuê tài chính được hình thành từ giao dịch thuê tài chính, khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

Tập đoàn ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tập đoàn theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tập đoàn về chi phí đi vay.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

**(i) Quyền phát hành và bán quyền**

Giá mua quyền phát hành và bán quyền mới được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Quyền phát hành và bán quyền được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**(ii) Nhân hiệu hàng hóa**

Giá mua nhân hiệu hàng hóa và thương hiệu được ghi nhận vào tài sản cố định vô hình. Nhân hiệu hàng hóa và thương hiệu được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản này.

**(iii) Phần mềm vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

**(iv) Giấy phép và nhượng quyền thương hiệu**

Giá mua giấy phép và nhượng quyền thương hiệu được hạch toán như tài sản cố định vô hình. Giấy phép và nhượng quyền thương hiệu được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm. Quyền khai thác đường truyền internet tốc độ cao - dự án Asia America Gateway (“AAG”) được khấu hao theo thời gian được quyền khai thác đường truyền là 15 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê và chi phí thuê văn phòng. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê.

Giá trị công cụ dụng cụ, dụng cụ xuất dùng, các thiết bị loại nhỏ và các chi phí tân trang văn phòng được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ dần vào chi phí trong vòng từ hai đến ba năm.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Dự phòng bảo hành**

Dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp. Dự phòng được lập dựa trên ước tính từ những số liệu về bảo hành trong các năm trước đó cho các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

**Dự phòng cho bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay**

Dự phòng cho bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay là các bảo lãnh mà Đại học FPT đã cấp cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong liên quan đến các khoản cho vay mà Ngân hàng cấp cho các sinh viên của Đại học FPT, một công ty con của Tập đoàn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các quỹ**

*(i) Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ đầu tư và phát triển được lập hàng năm bằng cách phân bổ lợi nhuận sau thuế. Từ năm 2006, theo các điều khoản và điều kiện quy định trong Điều lệ Công ty sửa đổi, Công ty không tiếp tục trích lập Quỹ đầu tư và phát triển.

Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc. Khi quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho các mục đích này, giá trị đã sử dụng được kết chuyển sang vốn.

*(ii) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ*

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được lập hàng năm bằng cách phân bổ 5% lợi nhuận thuần sau thuế cho đến khi số dư quỹ tương đương với 10% vốn điều lệ.

*(iii) Quỹ khen thưởng phúc lợi*

Quỹ khen thưởng phúc lợi được lập hàng năm bằng cách phân bổ không quá 10% lợi nhuận thuần sau thuế.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu từ các dịch vụ gia công được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hóa được gia công và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

Doanh thu từ bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành. Các khoản thu được từ việc bán thẻ trả trước, nhưng thẻ đã bán chưa được sử dụng hoặc chưa hết hạn sử dụng, được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian quảng cáo ghi trong hợp đồng.

Doanh thu từ học phí và phí

Doanh thu được ghi nhận trong năm khi dịch vụ được cung cấp. Học phí và các khoản phí thu trước của sinh viên được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính có kỳ học liên quan.

*Nộp học phí và phí*

Toàn bộ học phí và phí được nộp trước khi bắt đầu mỗi kỳ học.

*Phí tuyển sinh hoặc phí đăng ký dự thi*

Phí đăng ký dự thi là khoản phí cố định nộp một lần được tính trên mỗi sinh viên và được thu cùng với đơn đăng ký tuyển sinh. Tiền thu từ phí đăng ký được sử dụng để trang trải cho các chi phí liên quan đến toàn bộ các thủ tục xử lý hồ sơ tuyển sinh của mỗi sinh viên bao gồm cả công tác quản lý đánh giá quá trình học tập tại trường trước và sắp xếp sinh viên cho phù hợp. Phí đăng ký dự thi không được hoàn lại.

Các giao dịch hàng đổi hàng

Doanh thu từ giao dịch đổi hàng hóa và dịch vụ lấy các hàng hóa và dịch vụ không cùng chủng loại được hạch toán theo giá trị hợp lý của hàng hóa và dịch vụ nhận về, được điều chỉnh theo giá trị tiền hoặc tương đương tiền đã nhận hoặc đã trả. Khi hàng hóa và dịch vụ được đổi lấy hàng hóa và dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi này được coi là không có tính thương mại và không được coi là giao dịch tạo doanh thu.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở nước ngoài**

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tập đoàn tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm báo cáo trừ phi tỷ giá này có biến động lớn trong năm, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và kết chuyển sang dự phòng chênh lệch tỷ giá của Tập đoàn. Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Tập đoàn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với toàn bộ cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt của Tập đoàn.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Một số công ty trong Tập đoàn được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đầu tư vào các dự án được Nhà nước khuyến khích và được miễn giảm thuế. Thời gian ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tính từ năm được cấp có thẩm quyền chấp thuận dự án đầu tư. Sau khi hết thời gian được hưởng ưu đãi thuế, các đơn vị này sẽ chuyển sang áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Các dự án đầu tư mở rộng sản xuất được tăng thêm thời gian miễn, giảm thuế tính cho phần thu nhập tăng thêm. Thời gian được miễn thuế thu nhập tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế, và được cộng gộp sau khi đã xác định thuế thu nhập tại các công ty con. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền đối với các công ty con trong Tập đoàn.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính và sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi các công ty trong Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Một bộ phận kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung ứng sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hai lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính dưới sự quản lý của Công ty Cổ phần FPT (Công ty mẹ), cụ thể như sau:

**Công nghệ thông tin và viễn thông**

- **Công ty Cổ phần Viễn thông FPT:** cung cấp dịch vụ internet không dây và có dây, dịch vụ trực tuyến cho doanh nghiệp và khách hàng cá nhân, dịch vụ Cổng dữ liệu Web, IPTV, trò chơi trực tuyến, nhạc trực tuyến và tin tức trực tuyến;
- **Công ty Cổ phần Hệ thống thông tin FPT:** cung cấp thiết bị công nghệ thông tin (CNTT), cung cấp dịch vụ phần mềm, dịch vụ ERP, dịch vụ mạng và dịch vụ bảo trì cho khách hàng trong các lĩnh vực ngân hàng và tài chính, viễn thông, y tế, lợi ích công cộng và Chính phủ;
- **Công ty Cổ phần Phần mềm FPT:** cung cấp dịch vụ phát triển phần mềm và dịch vụ bảo trì, gia công phần mềm, thử nghiệm đảm bảo chất lượng và gia công quy trình doanh nghiệp;
- **Công ty Cổ phần Thương mại FPT:** phân phối các sản phẩm CNTT bao gồm sản phẩm phần cứng, sản phẩm phần mềm và điện thoại di động và chuỗi các cửa hàng/phòng trưng bày sản phẩm CNTT bao gồm sản phẩm phần cứng, sản phẩm phần mềm và điện thoại di động tập trung vào các khách hàng là người tiêu dùng;
- **Trường Đại học FPT:** quản lý một trường đại học tự nhân đào tạo kỹ sư phần mềm và đào tạo về quản trị kinh doanh;
- **Công ty TNHH Dịch vụ tin học FPT:** cung cấp dịch vụ bảo trì cho các thiết bị CNTT và thiết bị mạng.
- **Công ty Cổ phần FPT Visky:** thực hiện cung cấp dịch vụ nội dung số.

**Đầu tư**

- **Công ty TNHH Bất động sản FPT:** Kinh doanh, đầu tư, môi giới bất động sản, dịch vụ thuê và cho thuê nhà ở văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, dịch vụ kinh doanh khách sạn, nhà hàng, học xá, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, và các hoạt động kinh doanh bất động sản khác.
- **Công ty TNHH Phát triển khu Công nghệ cao Hòa Lạc FPT:** cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý bất động sản, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; tư vấn đầu tư; triển khai các dự án quy hoạch; xây dựng các công trình khác.
- **Khác:** Các công ty có hoạt động đầu tư vào các lĩnh vực truyền thông giải trí và quảng cáo

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**5. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)**

31-03-2010 (triệu VND)	Công nghệ thông tin và viễn thông							Đầu tư			Công ty mẹ	Loại trừ	Tổng cộng
	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Hệ thống thông tin FPT	Công ty CP Phần mềm FPT	Công ty CP Thương mại FPT	Trường Đại học FPT	Công ty TNHH Dịch vụ tin học FPT	Công ty CP FPT Visky	Công ty TNHH Bất động sản FPT	Công ty TNHH Phát triển khu CNC Hòa Lạc FPT	Khác			
Doanh thu kinh doanh	526,280	305,634	224,679	3,119,251	56,675	17,148	493	4,000	-	17,951	-	-	<b>4,272,111</b>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	130,376	25,679	69,355	142,026	28,172	6,833	(2,377)	(2,212)	194	(1,758)	39,902	(16,086)	<b>420,106</b>

- Để phục vụ cho mục đích quản lý, Tập đoàn theo dõi chỉ tiêu doanh thu kinh doanh bao gồm doanh số bán cho các bên thứ ba và doanh số bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn với mục đích kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31-03-2010</b>	<b>31-12-2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	18,130,404,933	20,546,407,777
Tiền gửi ngân hàng	965,224,163,690	1,441,622,327,966
Tiền đang chuyển	32,506,501	29,367,845,085
Các khoản tương đương tiền (i)	352,172,800,000	818,973,445,803
	<b>1,335,559,875,124</b>	<b>2,310,510,026,631</b>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng hoặc trên 3 tháng theo các điều khoản rút gốc linh hoạt.

**7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay và ủy thác đầu tư ngắn hạn với thời hạn dưới một năm.

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>31-03-2010</b>	<b>31-12-2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu từ trợ giá cho hàng bán	50,130,322,202	29,683,286,125
Các khoản phải thu khác	166,776,073,840	163,225,199,880
	<b>216,906,396,042</b>	<b>192,908,486,005</b>

**9. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tại ngày 01/01	22,142,914,737	18,818,834,833
Tăng dự phòng trong năm	1,179,914,167	8,030,079,362
Sử dụng dự phòng trong năm	-	-
Hoàn nhập	-	(4,705,999,458)
Tại ngày 31/03	<b>23,322,828,904</b>	<b>22,142,914,737</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31-03-2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	567,705,465,067	581,240,264,810
Nguyên liệu, vật liệu	164,349,902,530	19,553,458,721
Công cụ, dụng cụ	7,100,676,646	9,045,746,659
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	32,231,735,928	28,438,346,908
Thành phẩm	13,367,511,364	37,475,217,664
Hàng hoá	1,358,055,567,078	653,124,996,910
Hàng gửi đi bán	-	105,831,027,966
<b>Cộng</b>	<b>2,142,810,858,613</b>	<b>1,434,709,059,638</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8,648,712,909)	(8,665,740,977)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>2,134,162,145,704</b>	<b>1,426,043,318,661</b>

**11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

Tài sản ngắn hạn khác chủ yếu phản ánh giá trị tiền ký quỹ ký cược tại ngân hàng để mua ngoại tệ phục vụ việc nhập khẩu hàng hóa và tiền đặt cọc để thực hiện hợp đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>295,957,151,079</b>	<b>995,156,887,016</b>	<b>37,711,405,178</b>	<b>392,402,866,344</b>	<b>5,136,341,919</b>	<b>1,726,364,651,536</b>
Tăng do mua sắm	-	2,081,236,530	3,608,460,173		618,854,091	6,308,550,794
Tăng do XDCB hoàn thành	-	2,091,667,400	141,971,600	4,231,241,300	-	6,464,880,300
Thanh lý, nhượng bán	(7,579,500)	(903,581,915)	(2,350,014,801)	(27,292,065,127)	(55,461,728)	(30,608,703,071)
Giảm khác		(1,645,996,205)	-	(1,303,385,878)	-	(2,949,382,083)
<b>Tại ngày 31/03/2010</b>	<b>295,949,571,579</b>	<b>996,780,212,826</b>	<b>39,111,822,150</b>	<b>368,038,656,639</b>	<b>5,699,734,283</b>	<b>1,705,579,997,476</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>18,540,826,199</b>	<b>410,320,615,529</b>	<b>10,762,142,597</b>	<b>259,421,636,568</b>	<b>3,419,610,023</b>	<b>702,464,830,916</b>
Khấu hao trong năm	5,006,430,556	40,853,151,823	1,633,536,742	45,194,287,647	301,262,592	92,988,669,360
Thanh lý, nhượng bán	(5,562,375)	(441,020,478)	(752,670,000)	(19,425,580,739)	(33,111,736)	(20,657,945,328)
Giảm khác	-	(965,031,306)	-	(625,685,653)	-	(1,590,716,959)
<b>Tại ngày 31/03/2010</b>	<b>23,541,694,380</b>	<b>449,767,715,568</b>	<b>11,643,009,339</b>	<b>284,564,657,823</b>	<b>3,687,760,879</b>	<b>773,204,837,989</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>277,416,324,880</b>	<b>584,836,271,487</b>	<b>26,949,262,581</b>	<b>132,981,229,776</b>	<b>1,716,731,896</b>	<b>1,023,899,820,620</b>
<b>Tại ngày 31/03/2010</b>	<b>272,407,877,199</b>	<b>547,012,497,258</b>	<b>27,468,812,811</b>	<b>83,473,998,816</b>	<b>2,011,973,404</b>	<b>932,375,159,488</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN FPT**

89 Láng Hạ, quận Đống Đa

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành và bản quyền	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm vi tính	Giấy phép và nhượng quyền thương hiệu	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>9,114,336,000</b>	<b>203,355,664,033</b>	<b>175,351,445</b>	<b>60,896,622,990</b>	<b>17,413,046,545</b>	<b>290,955,021,013</b>
Mua trong năm	-	268,089,672	-	1,424,345,125	-	1,692,434,797
Thanh lý, nhượng bán	-	(4,148,863,508)	-	(166,347,613)	(1,022,021,131)	(5,337,232,252)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/03/2010</b>	<b>9,114,336,000</b>	<b>199,474,890,197</b>	<b>175,351,445</b>	<b>62,154,620,502</b>	<b>16,391,025,414</b>	<b>287,310,223,558</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	-	<b>14,157,768,008</b>	<b>121,771,835</b>	<b>33,649,103,982</b>	<b>11,506,679,432</b>	<b>59,435,323,257</b>
Khấu hao trong năm	-	2,277,790,852	15,445,953	977,709,948	225,601,800	3,496,548,553
Thanh lý nhượng bán	-	(935,321,731)	-	(146,249,241)	(418,327,291)	(1,499,898,263)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/03/2010</b>	<b>-</b>	<b>15,500,237,129</b>	<b>137,217,788</b>	<b>34,480,564,689</b>	<b>11,313,953,941</b>	<b>61,431,973,547</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>9,114,336,000</b>	<b>189,197,896,025</b>	<b>53,579,610</b>	<b>27,247,519,008</b>	<b>5,906,367,113</b>	<b>231,519,697,756</b>
<b>Tại ngày 31/03/2010</b>	<b>9,114,336,000</b>	<b>183,974,653,068</b>	<b>38,133,657</b>	<b>27,674,055,813</b>	<b>5,077,071,473</b>	<b>225,878,250,011</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	<u>31-03-2010</u>	<u>31-12-2009</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tòa nhà FPT tại Đà Nẵng	76,409,524,267	71,989,456,039
Tòa nhà FPT tại 89 Láng Hạ, Hà Nội	30,371,406,095	14,393,543,491
Dự án Khu công nghệ cao T.P HCM	30,394,544,676	26,777,715,110
Dự án FPT City tại Đà Nẵng	181,749,048,367	181,749,048,367
Dự án Phát triển trò chơi trực tuyến	-	14,618,162,730
Dự án HH4 - Nam An Khánh	60,772,437,443	59,053,237,073
Khác	28,775,927,290	14,364,481,846
	<b><u>408,472,888,138</u></b>	<b><u>382,945,644,656</u></b>

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Chi tiết thông tin về các công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/03/2010 như sau:

<b>Tên công ty con</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty Cổ phần Hệ thống thông tin	101 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	95%	95%	Cung cấp các giải pháp CNTT và tích hợp hệ thống
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	Tầng 6-11 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	67.86%	67.86%	Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm phần mềm
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	Tòa nhà Viglacera, số 1 Láng Hòa Lạc, Mỹ Trì, Từ Liêm, Hà Nội	95%	95%	Phân phối các linh kiện CNTT và điện thoại di động, chế tạo máy tính
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (i)	48 Vạn Bảo, Ba Đình, Hà Nội	41.62%	41.62%	Cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác
Đại học FPT	Tòa nhà Detech, 15B Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ đào tạo và công nghệ
Công ty Cổ phần Quảng cáo FPT	79 Bis, Điện Biên Phủ, Đa Cao, Q1, TP HCM	60%	60%	Tổ chức triển lãm, hội nghị, sản xuất và kinh doanh phim, bản quyền
Công ty TNHH Bất động sản FPT	Tầng 14 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh, đầu tư bất động sản và cung cấp các dịch vụ cho thuê văn phòng, căn hộ và kho bãi
Công ty TNHH Truyền thông giải trí FPT	Tầng 5 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Sản xuất và dàn dựng các bản tin và các chương trình, giải trí; cung cấp dịch vụ viễn thông và quảng cáo

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Dịch vụ tin học FPT	1A Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo hành, bảo trì các thiết bị điện tử, công nghệ và công nghiệp
Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến (ii)	131 Nơ Trang Long, Bình Thạnh, TP HCM	34.67%	50.56%	Cung cấp các dịch vụ trực tuyến
Công ty TNHH Phát triển Khu công nghệ cao Hoà Lạc FPT	Tầng 5 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Phối hợp xây dựng và vận hành Khu Công nghệ cao Hòa Lạc
Công ty Cổ phần FPT VISKY	Tầng 12 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	84.71%	100%	Kinh doanh lĩnh vực nội dung số
Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng	178 Trần Phú, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	99.80%	99.80%	Kinh doanh lĩnh vực bất động sản và đô thị

- (i) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 41,62% phần vốn (2009: 41,62%) và có 41,62% quyền biểu quyết (2009: 41,62%) ở Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Tuy nhiên, Tập đoàn có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Như vậy, Tập đoàn có quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó thực hiện hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty này vào các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.
- (ii) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 34,67% phần vốn (2009: 34,67%) ở Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT, trong đó lợi ích trực tiếp là 23,33% (2009: 23,33%) và lợi ích gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Viễn thông FPT là 11,34% (2009: 11,34%). Công ty Cổ phần Viễn thông FPT cũng sở hữu 27,22% (2009: 27,22%) ở Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT. Trên cơ sở Công ty Cổ phần Viễn thông FPT kiểm soát hơn 50% quyền biểu quyết thông qua các thỏa thuận của họ với Công ty Cổ phần FPT và một nhà đầu tư cá nhân khác của Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT, Tập đoàn thực hiện việc hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT vào các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

**16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	<u>31-03-2010</u>	<u>31-12-2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>381,217,015,904</b>	<b>243,554,076,179</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết trong năm	96,200,000,000	79,200,000,000
Phần lợi nhuận/(lỗ) trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết	17,719,572,384	61,900,439,725
Cổ tức nhận được	(17,335,000,000)	(3,437,500,000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>477,801,588,288</u></b>	<b><u>381,217,015,904</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31/03/2010 như sau:

<b>Tên công ty con</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết nắm giữ</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	25.00%	Các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và dịch vụ lưu ký chứng khoán
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ FPT	Tầng 13 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	33.00%	Quản lý Quỹ đầu tư, Quản lý danh mục và các dịch vụ khác
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	Tầng 1-2 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	16.90%	Thực hiện dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính liên quan tại Việt Nam

- (i) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 16,90% quyền biểu quyết (2009: 15,96%) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong. Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể đến Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong thông qua đại diện có vai trò chủ chốt của Tập đoàn trong Hội đồng Quản trị của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong. Do đó, báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất này theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**17. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<b>31-03-2010</b>	<b>31-12-2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư trái phiếu	495,171,113,770	495,171,113,770
Quỹ Đầu tư Việt Nam (BVIM)	30,000,000,000	30,000,000,000
Quỹ Đầu tư Việt Nhật	24,800,000,000	24,800,000,000
Khác	5,200,202,500	10,317,852,500
	<b>555,171,316,270</b>	<b>560,288,966,270</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**18. VAY NGẮN HẠN**

	<u>31-03-2010</u>	<u>31-12-2009</u>
	VNĐ	VNĐ
Vay ngắn hạn các ngân hàng và các tổ chức kinh tế (i)	1,996,484,174,222	2,220,219,203,461
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	13,898,174,411
	<u><b>1,996,484,174,222</b></u>	<u><b>2,234,117,377,872</b></u>

(i) Vay ngắn hạn các ngân hàng và các tổ chức kinh tế thực hiện chủ yếu với hình thức tín chấp hoặc tín dụng thư. Một số khoản vay ngắn hạn gốc USD được bảo đảm bằng các khoản tiền gửi ngân hàng.

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31-03-2010</u>	<u>31-12-2009</u>
	VNĐ	VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	152,415,846,326	88,201,419,993
Thuế xuất, nhập khẩu	30,067,987,649	31,365,606,866
Thuế thu nhập doanh nghiệp	181,028,706,035	212,664,935,457
Thuế thu nhập cá nhân	11,670,705,529	12,359,662,038
Thuế nhà thầu	1,234,613,726	1,643,457,517
Thuế khác	6,263,128,825	7,139,876,477
	<u><b>382,680,988,090</b></u>	<u><b>353,374,958,348</b></u>

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31-03-2010</u>	<u>31-12-2009</u>
	VNĐ	VNĐ
Phí bảo hành	3,344,628,164	17,734,123,178
Lãi tiền vay	63,902,597,581	14,541,995,687
Lãi trái phiếu	61,119,511,958	29,619,511,958
Khác	104,781,967,668	65,096,351,787
	<u><b>233,148,705,371</b></u>	<u><b>126,991,982,610</b></u>

**21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31-03-2010</u>	<u>31-12-2009</u>
	VNĐ	VNĐ
Kinh phí công đoàn	14,003,422,335	15,059,437,441
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	4,072,170,890	1,836,313,954
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	21,811,637,199	21,330,024,422
Phải trả tiền cô tức	2,065,717,442	2,242,098,442
Các khoản phải trả, phải nộp khác	30,346,292,780	34,174,545,075
	<u><b>72,299,240,646</b></u>	<u><b>74,642,419,334</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**22. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG**

	<b>Dự phòng bảo hành sản phẩm</b>	<b>Trợ cấp mất việc làm</b>	<b>Bảo lãnh cho các khoản cho sinh viên vay</b>	<b>Tổng cộng</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 1/1/2010</b>	<b>22,224,921,743</b>	<b>909,165,674</b>	<b>1,759,554,169</b>	<b>24,893,641,586</b>
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm		166,195,065	-	166,195,065
Hoàn nhập dự phòng		-	-	-
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(40,025,657)	-	-	(40,025,657)
<b>Tại ngày 31/03/2010</b>	<b>22,184,896,086</b>	<b>1,075,360,739</b>	<b>1,759,554,169</b>	<b>25,019,810,994</b>

**(i) Dự phòng bảo hành**

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

**(ii) Bảo lãnh các khoản cho sinh viên vay**

Dự phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay được lập bằng 24% (2009: 24%) số dư các khoản cho vay do BIDV chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong cấp cho các sinh viên được chọn của Đại học FPT, một công ty con của Tập đoàn FPT, được bảo lãnh bởi Đại học FPT.

**23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<b>31-03-2010</b>	<b>31-12-2009</b>
	VND	VND
Trái phiếu	(i) 1,800,000,000,000	1,800,000,000,000
Vay ngân hàng	(ii) 92,228,931,677	92,099,273,228
	<b>1,892,228,931,677</b>	<b>1,892,099,273,228</b>

(i) Thẻ hiện giá trị trái phiếu phát hành trong năm 2009 tương đương với 1.800 lô ("Lô") được chào bán gồm trái phiếu xác định nghĩa vụ trả nợ đầu tiên và không có bảo đảm bằng tài sản có tổng mệnh giá bằng 1.800 tỷ đồng, lãi suất 7%/năm, đáo hạn năm 2012 ("Trái phiếu") và 2.084.400 Chứng quyền. Mỗi Chứng quyền sẽ cho phép người sở hữu Chứng quyền, tùy thuộc vào một số điều kiện nhất định, được quyền mua 10 Cổ phiếu phát hành cho mỗi Chứng quyền với mức giá thỏa thuận là 920.250 đồng một Chứng quyền. Ngày thực hiện Chứng quyền được quy định là ngày 9 tháng 10 năm 2011, ngày 9 tháng 10 năm 2012, ngày 9 tháng 10 năm 2013. Trái phiếu đã được bán hết tại ngày 9 tháng 10 năm 2009.

(ii) Trong số các khoản vay ngân hàng có khoản vay tín chấp từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong theo hợp đồng tín dụng hạn mức vay 150 tỷ đồng; và khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội với hạn mức vay 120 tỷ đồng, thời gian vay tính từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2011. Tài sản đảm bảo của khoản vay này là thiết bị kết nối, cấp các loại, thiết bị hạ tầng trị giá 180 tỷ đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 01-01-2009</b>	<b>1,411,620,740,000</b>	<b>54,851,281,360</b>	<b>(1,831,500,000)</b>	<b>3,164,755,291</b>	<b>103,009,261</b>	<b>107,565,521,411</b>	<b>798,009,159,145</b>	<b>2,373,482,966,468</b>
Phát hành cổ phiếu	26,698,930,000	-	-	-	-	-	-	26,698,930,000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	1,063,348,913,874	1,063,348,913,874
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	(974,050,000)	-	-	-	(7,558,284,000)	(8,532,334,000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	7,558,284,000	(106,458,502,376)	(98,900,218,376)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(2,382,205,000)	-	(2,382,205,000)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(356,253,482,000)	(356,253,482,000)
Biến động khác	-	-	-	2,821,804,250	-	(783,454,520)	-	2,038,349,730
<b>Số dư tại ngày 01-01-2010</b>	<b>1,438,319,670,000</b>	<b>54,851,281,360</b>	<b>(2,805,550,000)</b>	<b>5,986,559,541</b>	<b>103,009,261</b>	<b>111,958,145,891</b>	<b>1,391,087,804,643</b>	<b>2,999,500,920,696</b>
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	290,085,439,216	290,085,439,216
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(124,450,000)	-	-	-	-	(124,450,000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
Biến động khác	-	-	-	1,316,118,054	-	(3,568,819)	-	1,312,549,234
<b>Số dư tại ngày 31-03-2010</b>	<b>1,438,319,670,000</b>	<b>54,851,281,360</b>	<b>(2,930,000,000)</b>	<b>7,302,677,595</b>	<b>103,009,261</b>	<b>111,954,577,072</b>	<b>1,681,173,243,859</b>	<b>3,290,774,459,146</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Số cổ phiếu đang lưu hành**

	<u>31-03-2010</u>	<u>31-12-2009</u>
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
<b>Cổ phiếu được duyệt</b>	<b>143,831,967</b>	<b>143,831,967</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>143,831,967</b>	<b>143,831,967</b>
Cổ phiếu phổ thông	142,649,197	142,649,197
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	1,182,770	1,182,770
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>-293,000</b>	<b>-280,555</b>
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	-293,000	-280,555
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>143,538,967</b>	<b>143,551,412</b>
Cổ phiếu phổ thông	142,649,197	142,649,197
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	889,770	902,215

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá 10.000 đồng. Các cổ phiếu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong một thời gian quy định kể từ ngày phát hành.

**25. DOANH THU**

	<u>31-03-2010</u>	<u>31-03-2009</u>
	VND	VND
<b>Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>8,020,429,057,238</b>	<b>7,447,566,675,983</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm	6,301,052,594,682	6,543,615,265,847
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,719,376,462,556	903,951,410,136
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>(2,898,763,205)</b>	<b>(8,884,714,355)</b>
<b>Tổng Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ</b>	<b>8,017,530,294,033</b>	<b>7,438,681,961,628</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**29. DOANH THU (Tiếp theo)**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ nêu trên thể hiện doanh số của Tập đoàn trong kỳ. Ngoài ra, để phục vụ cho mục đích quản lý, Tập đoàn cũng theo dõi chỉ tiêu doanh thu kinh doanh bao gồm doanh số bán cho các bên thứ ba và doanh số bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn với mục đích kinh doanh. Chi tiết doanh thu kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở bảng sau:

	<u>31-03-2010</u>	<u>31-03-2009</u>
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu thuần bán cho các bên thứ ba	4,185,082,980,068	3,868,550,412,252
Doanh thu thuần bán cho các đơn vị thành viên của tập đoàn	87,027,871,847	60,875,764,199
<b>Tổng doanh thu kinh doanh</b>	<b><u>4,272,110,851,915</u></b>	<b><u>3,929,426,176,451</u></b>

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>31-03-2010</u>	<u>31-03-2009</u>
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	5,980,507,624,566	6,258,317,849,780
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1,027,876,207,713	304,397,226,823
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(119,095,989)	-
	<b><u>7,008,264,736,290</u></b>	<b><u>6,562,715,076,603</u></b>

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>31-03-2010</u>	<u>31-03-2009</u>
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, đầu tư trái phiếu	80,050,662,922	7,320,490,228
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35,291,168,455	19,001,697,825
Doanh thu tài chính khác	274,066,766	109,312,869
	<b><u>115,615,898,143</u></b>	<b><u>26,431,500,922</u></b>

**28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>31-03-2010</u>	<u>31-03-2009</u>
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền vay	74,331,818,876	13,268,048,840
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	71,312,843,336	55,290,350,707
Chi phí hoạt động tài chính khác	2,543,616,406	3,070,017,420
	<b><u>148,188,278,618</u></b>	<b><u>71,628,416,967</u></b>

**29. THU NHẬP KHÁC**

	<u>31-03-2010</u>	<u>31-03-2009</u>
	VNĐ	VNĐ
Thu từ thanh lý tài sản cố định	23,748,142,903	11,058,209,685
Tiền thưởng, hoa hồng và tiền bồi thường nhận được	94,086,141	61,194,719
Các thu nhập khác	31,087,601,026	19,860,038,770
	<b><u>54,929,830,070</u></b>	<b><u>30,979,443,174</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**30. CHI PHÍ KHÁC**

	<u>31-03-2010</u>	<u>31-03-2009</u>
	VNĐ	VNĐ
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	22,646,218,945	18,607,262,376
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	624,905,150	2,157,009,715
Chi phí khác	16,290,357,520	6,143,140,440
	<u><b>39,561,481,615</b></u>	<u><b>26,907,412,531</b></u>

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**(a) Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<u>31-03-2010</u>	<u>31-03-2009</u>
	VNĐ	VNĐ
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện tại	68,516,847,587	70,802,208,703
Phần thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty liên kết	1,861,629,901	2,170,755,918
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<u><b>70,378,477,487</b></u>	<u><b>72,972,964,621</b></u>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Ảnh hưởng của các khoản mục chênh lệch tạm thời	268,213,520	1,543,620,404
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<u><b>70,646,691,007</b></u>	<u><b>74,516,585,025</b></u>

**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định trong Giấy phép đăng ký kinh doanh và các quy định thuế hiện hành, Tập đoàn có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN theo thuế suất 10% trên lợi nhuận chịu thuế đối với hoạt động sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm và 25% lợi nhuận chịu thuế đối với hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp và 10% lợi nhuận chịu thuế đối với dịch vụ đào tạo CNTT đã cung cấp. Tập đoàn được giảm 50% thuế TNDN trong hai năm kể từ thời điểm Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 12 năm 2006. Lĩnh vực đào tạo CNTT của Tập đoàn được miễn thuế TNDN 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Thuế suất áp dụng cho các công ty con của Công ty Cổ phần FPT được quy định trong các Giấy phép đăng ký kinh doanh tương ứng của từng công ty con và các quy định thuế hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 03 năm 2010 được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông là 290.085.439.216 đồng (2009: 219.520.438.834 đồng) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm là 143.548.377 (2009: 140.949.712), được thực hiện như sau:

	<u>31-03-2010</u>	<u>31-03-2009</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	290,085,439,216	219,520,438,834
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	143,548,377	140,949,712
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2,021</b>	<b>1,557</b>
<i>(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</i>		
	<u>31-03-2010</u>	<u>31-03-2009</u>
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	290,085,439,216	219,520,438,834
<i>(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành</i>		
	<u>31-03-2010</u>	<u>31-03-2009</u>
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	143,551,412	140,978,924
Ảnh hưởng của biến động cổ phiếu quỹ trong năm	(3,035)	(29,213)
<b>Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm</b>	<b>143,548,377</b>	<b>140,949,712</b>

**33. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>31-03-2010</u>	<u>31-12-2009</u>
	VND	VND
<b>Góp vốn</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	96,200,000,000	79,200,000,000
<b>Các khoản vay</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	291,343,806,795	353,093,451,800

**Tổng Giám đốc**

Ngày 21 tháng 04 năm 2010

**Nguyễn Thế Phương**  
**Kế toán trưởng**

\*\*\*\*\*